**Đề bài: Phân tích 4 khổ thơ đầu Bài thơ về tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật:**

“Không có kính không phải vì xe không có kính

**...**

Mưa ngừng gió lùa mau khô thôi”.

**A. Mở bài :**

 - Phạm Tiến Duật là nhà thơ trẻ thời kháng chiến chống Mĩ, thơ ông chủ yếu viết về thế hệ trẻ trong giai đoạn này.

 - Bài thơ sáng tác 1969 khi cuộc kháng chiến chống Mĩ diễn ra ác liệt, bài thơ được trích trong tác phẩm “vầng trăng quầng lửa”.

 - Bài thơ ca ngợi người chiến sĩ lái xe trên tuyến đường Trường Sơn dũng cảm, hiên ngang tràn đầy niềm tin chiến thắng trong cuộc kháng chiến này.Đặc biệt thể hiện trong 4 khổ thơ đầu.

- Trích thơ: “Không có kính không phải vì xe không có kính

 **...**

Mưa ngừng gió lùa mau khô thôi”.

**B. Thân bài:**

 **\*Mạch cảm xúc:** cảm xúc được bắt nguồn từ hình ảnh đôc đáo , những chiếc xe không kính vẫn băng băng ra chiến trường, một hình ảnh rất thực về cuộc sống của những người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn.

\***Khổ 1: Hình ảnh chiếc xe không kính hình ảnh người chiến sĩ lái xe hiện lên tự nhiên mà đặc biệt.**

**“Không** có kính **không** phải vì xe **không** có kính

 **Bom giật bom rung** kính vỡ đi rồi”

 - Cấu trúc bài thơ dưới hình thức hỏi đáp để lí giải vì sao xe không có kính: “không phải”, lí giải hình dạng chiếc xe ban đầu là có kính.

 - Điệp từ “**không”** được lặp đi lặp lai, đó là những chiếc xe vận tải chở hàng hóa, đạn dược ra mặt trận, bị máy bay Mĩ bắn phá, kính xe vỡ hết.

 - Động từ mạnh “**giật”, “ rung**” đã khẳng định bom đạn chiến tranh làm chiếc xe biến dạng.

→ Hai câu thơ đầu giải thích nguyên nhân đồng thời phản ánh mức độ khốc liệt của chiếc tranh . Hình ảnh chiếc xe không kính làm nổi bật chiến sĩ. Dù thiếu đi phương tiện vật chất nhưng hình ảnh người lính hiện lên rất đẹp.

 **“Ung dung** buồng lái ta ngồi

**Nhìn** đất, nhìn trời, nhìn thẳng”

 - Đảo ngữ “**“Ung dung** **buồng lái ta ngồi”** kết hợp từ láy “**ung dung**” làm nổi bật tư thế thanh thản, tự tin, hiên ngang.

 - Điệp từ **“nhìn”** nhìn đất là nhìn đường để đi, nhìn trời là nhìn để phát hiện máy bay địch, nhìn thẳng là nhìn vào sự thật khóc liệt của chiến tranh mà không hề né tránh, không run sợ.

→Đó là cái nhìn bao quát, cái nhìn làm chủ hoàn cảnh, làm chủ thiên nhiên với tư thế hiên ngang nhìn thẳng vào khó khăn gian khổ không hề né tránh.

=> Xe không kính, hình ảnh người lính hiện lên mộc mạc, bình dị,hiên ngang, cao đẹp.

**\*Khổ 2: Với tư thế hiên ngang người lính nhìn qua khung cửa xe không kính người lái xe như được tiếp xúc tư thế bên ngoài.**

 “**Nhìn thấy** gió vào **xoa** mắt đắng

**Nhìn thấy** con đường chạy thẳng vào tim

 - Không có kính nên người lính phải phơi mặt vào sương gió, bụi đường. Họ phải đối mặt với hiểm nguy, khó khăn.

 - “**Gió vào xoa mắt đắng**” thủ pháp nhân hóa và chuyển đổi cảm giác đầy ấn tượng→Gió như người mẹ làm dịu đi những khó khăn, vổ về xua tan cái mệt nhọc của núi rừng trường sơn.

 - Điệp ngữ “**nhìn thấy”** nhấn mạnh khắc sâu vẻ đẹp tỏa ra từ cái nhìn của người lính.

 - Xe chạy nhanh tiến về Miền Nam thân yêu, nên người lính lái xe có ấn tượng như “**con đường chạy thẳng vào tim”**→ ẩn dụ, sự liên tưởng thú vị độc đáo, mới lạ. Con đường thực chạy trước mắt chính là **con đường cách mạng**, chính con đường đó giúp người lính vượt qua khó khăn, gian khổ, con đường chiến thắng mà tổ quốc ta đã chọn. Xe không kính người lính.

“Thấy sao trời và **đột ngột** cánh chim

 Như **sa** như **ùa** vào buồng lái”

 - Bằng phép nhân hóa, phép liệt kê**“ sao trời” “cánh chim” “sa, ùa”** quấn quýt, bầu bạn cùng người chiến sĩ cùng họ vượt qua khó khăn.

→Bom đạn không làm cho người lính khô cằn, chai sạn , ngược lại, chiếc xe không kính làm họ gần gủi với thiên nhiên hơn, họ mạnh mẽ hơn, yêu đời hơn.

**\*Khổ 3: Ngôn ngữ giọng điệu ngang tàng của người chiến sĩ. Cái nhìn lạc quan trước những khó khăn gian khổ .**

“ Không có kính **ừ thì** có bụi

Bụi phun **tóc trắng như người già**”

“**Chưa cần** rửa, phì phèo châm điếu thuốc

Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha”

 - Hình ảnh thơ mộc mạc, ngang tàng, những cụm từ “ **ừ thì, chưa cần**” thể hiện một thái độ ngang tàng, bất chấp khó khăn của người lính

 - Bằng thủ pháp so sánh “**Bụi phun** **tóc trắng như người già**” → bụi đường Trường Sơn bay trắng xóa làm tóc xanh trở thành tóc trắng. Thế nhưng họ không mảy may không quan tâm họ bất chấp khó khăn vẫn lạc quan yêu đời thể hiện qua hình ảnh và âm thanh tiếng cười **haha.**

 - Đây là phẩm chất của người lính, nói rất đúng là **tinh thần và cuộc sống** của người lính, sự hồn nhiên , lạc quan “**chưa cần”.** Cái cười ha ha, lấm lem trên khuôn mặt đáng yêu của người lính. Hiện thực ấy ta hiểu hơn cuộc kháng chiến của người lính ngoài chiến trường.

 =>Càng khó khăn gian khổ họ càng gắn bó yêu thương nhau, tình đồng đội hình thành từ đó.

\***Khổ 4: Cách giải quyết khó khăn bất ngờ của người lính**

“Không có kính **ừ thì** ướt áo

Mưa **tuôn** mưa **xối** như ngoài trời

**Chưa cần** thay lái trăm cây số nữa

Mưa ngừng gió lùa mau khô thôi”

 - Ngôn ngữ rất gần chất câu văn xuôi cho ta thấy được hiện thực ác liệt, gian khổ trong công việc của người chiến sĩ lái xe trên chiến trường cứ hiện lên từng mảnh, rõ ràng chân thật, sinh động.

 - Điệp cấu trúc câu **“ không có kính, ừ thì, chưa cần”** vang lên đầy tự hào chất chứa niềm tin thể hiện hiên ngang bất chấp khó khăn.

 - Cái nắng, mưa của Trường Sơn thật khắc nhgiệp thể hiện rõ qua điệp ngữ “ **mưa**” và hai động từ mạnh “**tuôn, xối”** →gợi tả những trận mưa khủng khiếp trút xuống bạt ngàn của núi rừng Trường Sơn.

 - Dù khó khăn chồng chất, những cơn mưa như những trận roi quất vào mặt nhưng các anh không bận tâm “**Chưa cần** thay lái trăm cây số nữa” vì tiền tuyến đang vẫy gọi.

=> Dường như những khó khăn gian khổ, nguy hiểm của chiến tranh không ảnh hưởng mảy may đến tinh thần của họ, trái lại họ xem đó là thử thách để thử sức mạnh và ý chí.

**\*Đánh giá về nghệ thuật:**

 - Lựa chọn chi tiết độc đáo, có tính chất phát hiện, hình ảnh đậm chất hiện thực.

 - Nhịp điệu linh hoạt, thể hiện giọng điệu ngang tàng, trẻ trung, tinh nghịch

 - Kết hợp linh hoạt thể thơ 7 và 8 chữ, lời thơ gần với lời văn xuôi, lời đối thoại, lời nói hàng ngày nhưng vẫn thú vị và giàu chất thơ.

**C. Kết bài :**

 - Đánh giá chung: Bài thơ khắc họa hình tượng người lính trẻ trung hiên ngang dũng cảm, khẳng định sức mạnh của dân tộc ta. Bài thơ thành công đề tài người lính.

 - Suy nghĩ tình cảm của bản thân: tinh thần lạc quan và lòng yêu nước, về nhiệm vụ của thế hệ trẻ...

**Đề bài: Phân tích 3 khổ thơ cuối *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* của Phạm Tiến Duật:**

 ***“Những chiếc xe từ trong bom rơi***

 ***.............................................***

 ***Lại đi ,lại đi trời xanh thêm.”***

 ***(Theo Ngữ Văn 9,Tập I)***

 **I. Mở bài:**

 - Phạm Tiến Duật là nhà thơ trẻ thời kháng chiến chống Mĩ,thơ ông chủ yếu viết về thế hệ trẻ trong giai đoạn này.

 - “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” sáng tác năm 1969,khi cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước đang ở giai đoạn ác liệt, các đoàn xe liên tục tiếp tế nhu yếu phẩm cho miền Nam qua tuyến đường Trường Sơn đầy bom đạn.

 - Bài thơ ca ngợi người chiến sĩ lái xe Trường Sơn dũng cảm, hiên ngang tràn đầy niềm tin chiến thắng trong cuộc kháng chiến này.Đặc biệt 3 khổ thơ cuối ca ngợi tình đồng đội keo sơn gắn bó và lí tưởng chiến đấu vì miền Nam ruột thịt của họ.

 - Trích thơ:*“Những chiếc xe từ trong bom rơi*

 *.............................................*

 *Lại đi ,lại đi trời xanh thêm.”*

 **II.Thân bài:**

 \*Mạch cảm xúc:Cảm xúc được bắt đầu từ hình ảnh độc đáo-những chiếc xe không kính vẫn băng băng ra chiến trường-một hình ảnh rất thực về cuộc sống của những người lính lái xe, tiếp theo tác giả lí giải nguyên nhân của hiện tượng ấy và làm nổi bật hình ảnh những người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn.

 ***\*Khổ 5,6: Tình đồng đội keo sơn, gắn bó***

 “Những chiếc xe từ trong bom rơi

 .....................................................

 Bắt tay nhau qua cửa kính vỡ rồi”.

 - Từ trong bom đạn hiểm nguy, “tiểu đội xe không kính” được hình thành,bao gồm những con người bốn phương chung lý tưởng,gặp nhau thành bạn bè.

- Cái “bắt tay” thật đặc biệt,nó thể hiện tình đồng đội,niềm tin,sự truyền lửa,sự bù đắp tinh thần cho những thiếu thốn về vật chất->Có sự gặp gỡ với ý thơ của Chính Hữu trong bài Đồng Chí: “Thương nhau tay nắm lấy bàn tay”nhưng hồn nhiên và trẻ trung hơn.

 “Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời

 ....................................................

 Lại đi , lại đi trời xanh thêm”.

 - Hình ảnh sinh hoạt ấm tính đồng đội.Các anh cùng chung niềm vui sôi nổi của tuổi trẻ,của tình đồng đội,tình đồng chí.

 + Điệp ngữ “lại đi” và hình ảnh “trời xanh thêm” tạo âm hưởng thanh thản,nhẹ nhàng,thể hiện niềm lạc quan,tin tưởng của người lính về sự tất thắng của cuộc kháng chiến chống Mỹ

-> Tình đồng đội đã giúp các anh vượt qua khó khăn,cùng tiến về phía trước.

 ***\*Khổ 7: Lí tưởng vì miền Nam ruột thịt***

 “Không có kính rồi xe không có đèn

 ....................................................

 Chỉ cần trong xe có một trái tim”.

 - Điệp từ 3 “không”,1 “có”-> Sự đối lập về cái không có của chiếc xe (vật chất) và cái có của người lính(tinh thần)->Thể hiện sự khó khăn của chiến sĩ nhưng dù khó khăn đến mấy,ý chí về miền Nam của anh bộ đội không hề lay chuyển.

 - Hình ảnh ẩn dụ,hoán dụ “trái tim” nêu bật được lòng yêu nước và quyết tâm giành chiến thắng của các anh.

-> Chân lí thời đại: sức mạnh quyết định chiến thắng không phải là vũ khí mà là con người giàu ý chí,anh hùng,lạc quan,quyết thắng

 ***\* Đánh giá chung về nghệ thuật:***

 - Giọng thơ ngang tàng, nghịch ngợm

 - Kết hợp linh hoạt thể thơ 7 chữ và 8 chữ,lời thơ gần với lời văn xuôi,lời đối thoại,lời nói thường ngày nhưng vẫn thú vị và giàu chất thơ

 - Hình ảnh chi tiết rất thực.

-> Khẳng định tinh thần bất khuất,quyết thắng của quân đội ta ,khẳng định rằng ý chí con người mạnh hơn cả sắt thép.

 **III. Kết bài:**

 - Bài thơ đã khắc họa người lính trẻ trung hiên ngang,dũng cảm,chiến đấu vì lí tưởng.Bài thơ thành công với đề tài người lính

 - Nêu suy nghĩ,tính cảm của bản thân: về tinh thần lạc quan và lòng yêu nước , về nhiệm vụ của thé hệ trẻ...

**Đề: Phân tích khổ thơ 2,3,4,5 trong bài thơ “Bếp lửa” của Bằng Việt.**

1. **Mở bài:**

**-** BV thuộc các thế hệ nhà thơ trưởng thành trong cuộc k/c chống Mỹ cứu nước.

**-** Bài thơ “Bếp lửa” được sáng tác năm 1963 khi tác giả là sinh viên học ngành luật ở nước ngoài.

- Các khổ thơ khắc họa thành công hình ảnh bếp lửa gắn với bao kỷ niệm, cảm xúc và suy nghĩ về bà và tình bà cháu.

- Bếp lửa ấy cũng chính là kỉ niệm tuổi thơ, là tình bà cháu đã sưởi ấm tấm lòng tác giả suốt thời thơ ấu, khi trưởng thành và cả cuộc đời.

-Trích thơ: “Lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói

 ......................................................

 Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng”.

**II.Thân bài**:

1. **Mạch cảm xúc của bài thơ** đi từ hồi tưởng đến hiện tại, từ kỉ niệm đến suy ngẫm. Là lời của người cháu ở nơi xa nhớ về bà và những kỉ niệm với bà, nói lên lòng kính yêu và những suy ngẫm về bà.
2. **Phân tích các khổ thơ (khổ 2,3,4,5): Hồi tưởng những kỉ niệm tuổi thơ sống bên bà.**

 **Khổ 2: Tuổi thơ có nhiều gian khổ, thiếu thốn, nhọc nhằn:**

 “ Lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói

 .... Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay!”

+ Ấn tượng về nạn đói năm 1945 và quá khứ đau thương của dân tộc.

**+** Tuổi thơ ấy cháu đã quen mùi khói tỏa ra từ bếp lửa do chính tay bà nhóm.

+ Thành ngữ “đói mòn đói mỏi”, chi tiết “khô rạc ngựa gầy” đậm chất hiện thực tái hiện hình ảnh xóm làng sơ xác, tiêu điều cùng những con người tiều tụy, vật lộn mưu sinh.

+ “Sống mũi còn cay” Ấn tượng nhất vẫn là mùi khói bếp của cậu bé 4 tuổi (quá khứ) hòa với cái cay vì xúc động của người cháu đã trưởng thành nhớ về bà (hiện tại).

=> Tâm trạng của cháu tha thiết bởi sự đùm bọc, che chở của bà.

**Khổ 3**: **Nhớ về bếp lửa, nhớ về tình bà cháu suốt tám năm ròng**

 “ Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa

 .... Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa ?”

+ “Tám năm ròng” tám năm sống cùng bà vất vả, khó khăn nhưng đầy tình yêu thương.

+ “Mẹ cùng cha công tác bận không về” kháng chiến bùng nổ bà vừa là cha, vừa là mẹ nuôi dưỡng, dạy dỗ cháu nên người.

+ Một loạt từ “bà bảo, bà dạy, bà chăm” vừa diễn tả sâu sắc tình thương bao la, vừa thể hiện lòng biết ơn của cháu đối với bà.

+ Điệp từ “bà”, “cháu” thể hiện tình thương của bà dành cho cháu, tình bà cháu quấn quýt.

+ Kỉ niệm tuổi thơ còn gắn với tiếng chim tu hú – âm thanh quen thuộc của làng quê VN, âm thanh da diết khiến lòng người trỗi dậy những hoài niệm, nhớ mong.

+ Câu hỏi tu từ “Tu hú ơi.... cánh đồng xa?” thấm thía, xót xa làm sao! Diễn tả nỗi lòng da diết của tác giả khi nhớ về tuổi thơ, nhớ về bà.

+ Tám năm phải rời làng đi tản cư vì chiến tranh. Tám năm cháu dần lớn lên theo bếp lửa của tình bà. Cháu cũng biết thương bà, đỡ đần bà, sớm có ý thức tự lập, lo toan.

=>Bếp lửa hiện diện như tình bà ấm áp, như chỗ dựa tinh thần, như sự đùm bọc cưu mang đầy yêu thương của bà.

**Khổ 4: Đọng lại trong kỉ niệm của người cháu**

 “Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi

 ...Cứ bảo nhà vẫn được bình yên!”

+ Thành ngữ “cháy tàn cháy rụi” hình ảnh làng quê hoang tàn trong khói lửa chiến tranh.

+ “Hàng xóm, đỡ đần” sự cưu mang, đùm bọc của xóm làng đối với 2 bà cháu.

+ “Vẫn vững lòng, bà dặn cháu đinh ninh” bà mạnh mẽ kiên cường, giàu sự hi sinh, gánh vác mọi việc để các con yên tâm công tác.

=>Tấm lòng của bà dành cho con, cho cháu thật đáng quý biết bao, tác giả cảm phục trước sự can đảm, chịu đựng khó khăn, ý thức động viên con cái yên tâm giết giặc.

**Khổ 5**: **Hình ảnh người bà và kỉ niệm tuổi thơ gắn với hình ảnh bếp lửa**

 “Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen

 ..... Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng”

+ Kết thúc dòng hồi tưởng, từ hình ảnh bếp lửa tác giả nghĩ về ngọn lửa.

+ Điệp ngữ, ẩn dụ “một ngọn lửa” Hình ảnh người bà không chỉ là người nhóm lửa mà còn là người truyền lửa. Ngọn lửa của sự sống, niềm tin cho các thế hệ kế tiếp.

+ Các từ ngữ chỉ thời gian “rồi sớm, rồi chiều; các động từ “ủ sẵn, chứa”khẳng định ý chí, bản lĩnh của bà là người phụ nữ VN thời chiến.

=> Bà không chỉ là người nhóm lửa, giữ lửa mà còn là người truyền lửa – ngọn lửa của sự cống hiến, niềm tin cho các thế hệ nối tiếp.

3. **Đánh giá nghệ thuật**:

+ Kết hợp nhuần nhuyễn giữa biểu cảm và miêu tả, tự sự và bình luận.

+ Thể thơ tám chữ kết hợp với 7 chữ, 9 chữ phù hợp với việc diễn tả dòng cảm xúc và suy ngẫm về bà.

+ Giọng điệu tâm tình, thiết tha, tự nhiên, chân thành.

+ Sáng tạo hình ảnh bếp lửa – hình ảnh vừa thực vừa mang ý nghĩa biểu tượng.

**III. Kết bài**:

 + Qua khổ thơ đánh thức những kỉ niệm thân thiết nhất của tuổi thơ mỗi người đều có sức tỏa sáng, nâng đỡ con người suốt hành trình dài của cuộc đời.

 + Tác giả thành công ở nghệ thuật sáng tạo hình ảnh bếp lửa, vừa mang ý nghĩa tả thực, vừa mang ý nghĩa biểu tượng, kết hợp nhuần nhuyễn giữa biểu cảm với miêu tả, tự sự và bình luận.

**Đề: Phân tích hai khổ thơ cuối bài thơ “Bếp lửa” của Bằng Việt.**

**Gợi ý làm bài**

**Mở bài:**

 - Bằng Việt là nhà thơ nổi tiếng, trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Thơ ông mang giọng điệu thủ thỉ, tâm tình; ngôn từ điềm đạm; cấu tứ mạch lạc và hệ thống thi ảnh đặc sắc.

 - Bài thơ “Bếp lửa” sáng tác năm 1963, khi tác giả đang học Luật ở Liên Xô.

 - Hai khổ thơ cuối của bài thơ thể hiện suy ngẫm, nỗi nhớ của người cháu về bà và hình ảnh bếp lửa.

 -Trích thơ : “Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen

 ...........................................

 Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa”.

**Thân bài:**

 **1. Mạch cảm xúc:**

 - Cảm xúc của bài thơ được mở ra với hình ảnh bếp lửa, từ đó gợi về những kỷ niệm tuổi thơ sống bên bà tám năm ròng, làm hiện lên hình ảnh và với sự chăm sóc, lo toan, vật vả và tình yêu thương trìu mến dành cho đứa cháu. Từ những kỷ niệm, đứa cháu nay đã trưởng thành suy ngẫm và thấu hiểu về cuộc đời bà, về lẽ sống giản dị mà cao quý của bà. Cuối cùng, người cháu muốn gửi niềm mong nhớ về với bà.

- Mạch cảm xúc bài thơ đi từ hồi tưởng đến hiện tại, từ kỷ niệm đến suy ngẫm.

 **2. Phân tích:**

 ***LĐ1: Suy ngẫm của người cháu về bà và hình ảnh bếp lửa (khổ 6)***

 *Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa*

 *……………...thiêng liêng – bếp lửa!*

 - Từ láy “lận đận”, cụm từ chỉ thời gian “đời bà”, “mấy chục năm”, hình ảnh ẩn dụ “nắng mưa” -> cảm nhận của nhà thơ về cuộc đời gian nan, vất vả và sự tần tảo, đức hi sinh, chịu thương, chịu khó của bà.

 - Điệp từ “nhóm” với nhiều ý nghĩa phong phú, nhóm bếp lửa là nhóm lên: tình yêu thương, sự sưởi ấm, sự san sẻ tình làng nghĩa xóm, những tâm tình, ước vọng của tuổi thơ.

 - “Ôi kì lạ và thiêng liêng – bếp lửa” ->Hình ảnh tả thực, ẩn dụ, bình dị nhưng thiêng liêng, bếp lửa là tình bà, là những điều hay lẽ phải, là những gian khổ đời bà, là niềm tin…

 => Nhờ ngọn lửa mà bà “ủ”, bà “nhen”, bà “giữ”, cháu đã khôn lớn, hiểu đạo lí. Hình ảnh bà và bếp lửa sáng đẹp lung linh trong tâm hồn cháu.

 ***LĐ2: Nỗi nhớ bà và bếp lửa (khổ 7)***

Nỗi nhớ bà và bếp lửa gợi lên từ một thực tại, người cháu năm xưa giờ đã lớn khôn, trưởng thành, đã được chắp cánh bay xa, được làm quen với những chân trời rộng lớn:

*“Giờ cháu đã đi xa, có ngọn khói trăm tàu,*

*Có lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả,*

*Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở:*

*- Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?”*

- Dòng thơ đầu được ngắt thành hai câu để gợi sự chảy trôi của thời gian (từ bốn tuổi, tám tuổi đến trưởng thành); gợi sự biến đổi của không gian (từ căn bếp của bà đến những khoảng trời rộng lớn).

- Điệp từ “trăm” mở ra một thế giới rộng lớn với bao điều mới mẻ.

- Điệp từ “có” kết hợp với thủ pháp liệt kê:

 + Cho thấy người cháu đã có những thay đổi lớn trong cuộc đời, đã tìm được bao niềm vui mới.

 + Khẳng định đứa cháu không thể quên được ngọn lửa của bà, tấm lòng đùm bọc, ấp iu của bà. Ngọn lửa ấy đã thành kỷ niệm ấm lòng, thành niềm tin thiêng liêng, kì diệu nâng bước người cháu trên suốt chặng đường dài.

 => Khổ thơ chứa đựng đạo lí thủy chung, cao đẹp bao đời của người Việt: “uống nước nhớ nguồn”. Đạo lí ấy được nuôi dưỡng ở mỗi tâm hồn con người từ thuở ấu thơ, để rồi như chắp cánh để mỗi người bay cao, bay xa trên hành trình cuộc đời.

 **3. Đánh giá chung:**

 - Sự kết hợp hài hòa của các phương thức biểu đạt: biểu cảm, tự sự, miêu tả, bình luận.

 - Thể thơ 8 chữ phù hợp với việc diễn tả cảm xúc và suy ngẫm về bà.

 - Giọng điệu tâm tình, tha thiết, tự nhiên, sáng tạo hình ảnh bếp lửa – vừa tả thực vừa mang ý nghĩa biểu tượng.

 - Hệ thống hình ảnh vừa chân thực lại vừa giàu ý nghĩa biểu tượng.

 - Cảm xúc mãnh liệt, chân thành và đậm chất triết lí sâu xa.

**Kết bài:**

 - Hai khổ thơ cuối của bài thơ là những hồi tưởng và suy ngẫm của người cháu về bà và tình bà cháu. Qua đó, bộc lộ tình cảm sâu nặng đối với gia đình, quê hương, đất nước.

 - Liên hệ bản thân.

* **Phân tích bài thơ “ Đống chí” của Chính Hữu để thấy tình đồng chí cao đẹp của những người chiến sĩ cách mạng thời chống Pháp.**

***I.Mở*** bài

- Chính Hữu là nhà thơ quân đội trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Pháp, thơ ông chủ yếu viết về đề tài người lính và chiến tranh.

* Bài thơ “Đồng chí” sáng tác năm 1948 từ những trải nghiệm và cảm xúc về tình đồng đội của tác giả khi ông tham gia chiến dịch Việt Bắc (Thu đông năm 1947).
* Bài thơ ca ngợi tình đồng chí cao đẹp giữa những người lính cách mạng trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.
* Trích thơ: “Quê hương anh nước mặn đồng chua

 ..................................................

 Đầu súng trăng treo”.

***II*. *T***hân bài

*1/ Mạch cảm xúc*: bài thơ được viết theo thể tự do, chia làm 3 đoạn. Cả bài thơ thể hiện vẻ đẹp và sức mạnh của tình đồng chí nhưng ở mỗi đoạn cảm xúc lại được dẫn dắt và dồn tụ vào những dòng thơ khác nhau, gây ấn tượng sâu đậm (các dòng 7, 17 và 20).

 *2/ Phân tích từng phần của bài thơ* :

1. **Bảy câu thơ đầu: Ngay từ những câu thơ đầu, tác giả đã lí giải cơ sở hình thành tình đồng chí thắm thiết, sâu nặng của những người lính cách mạng**:

“Quê hương anh nước mặn đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá

Anh với tôi đôi người xa lạ

Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau.

Súng bên súng, đầu sát bên đầu

Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỷ

Đồng chí!”

* Giọng điệu thủ thỉ, tâm tình như lời trò chuyện.
* Đối ngữ “quê hương anh”, “làng tôi”,

- Thành, ngữ “nước mặn đồng chua”, hình ảnh “đất cày lên sỏi đá ” ->Các anh ra đi từ những miền quê nghèo đói, lam lũ và gặp gỡ nhau ở tình yêu Tổ quốc — sự tương đồng về hoản cảnh xuất thân cùng chung lí tưởng mục đích nhiệm vụ. Các anh là những người nông dân mặc áo lính -> sự đồng cảm về giai cấp.

* Từ những người xa lạ, đến từ mọi miền của đất nước, các anh đã cùng tập hợp trong dưới hàng ngũ quân đội và trở nên thân quen.
* Điệp từ, hình ảnh ẩn dụ “súng, đầu”, hình ảnh sóng đôi “***súng bên súng****,* đầu sát bền đầu” mang ý nghĩa tượng trưng -> Tình đồng chí được hình thành trên cơ sở cùng **lí tưởng mục đích nhiệm vụ**. Theo tiếng gọi của Tổ quốc, các anh đã cùng tập hợp dưới quân kì, cùng kề vai sát cánh trong đội ngũ để chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.
* Hình ảnh thơ cụ thể, giản dị, gợi cảm “Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ ”-> Chính trong những gian khó, các anh đã trở thành tri kỉ của nhau, để **cùng nhau chia sẻ mọi gian lao, thiếu thốn.**
* Câu thơ thứ bảy có cấu tạo đặc biệt “Đồng chí! ”có vai trò như một bản lề kết nối phần 1 và phần 2 là một phát hiện mới mẻ, một điểrn sáng tạo, một nét độc đáo của Chính Hữu thể hiện chủ đề bài thơ, là tiếng gọi ấm áp, thân thương... -> Tình đồng chí là biểu hiện cao đẹp của tình bạn, tình người.

=> Chính vì những sự tương đồng ấy mà tình đồng chí của những người lính trở nên bền vững và giàu ý nghĩa.

**b. Mười câu tiếp theo: Biểu hiện và sức mạnh của tình đồng chí:**

“Ruộng nương anh gửi bạn thân cày

Gian nhà không mặc kệ gió lung lay

Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.

Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh,

Sốt run người, vừng trán ướt mồ hôi.

Áo anh rách vai

Quần tôi có vài mảnh vá

Miệng cười buốt giá

Chân không giày

Thương nhau tay nắm lấy bàn tay”

* Hình ảnh chân thật “gian nhà không” vừa gợi cái nghèo, cái xơ xác của những miền quê lam lũ, vừa gợi sự trống trải trong lòng người ra đi và người ở lại.
* Hình ảnh: “ruộng nương, gian nhà, giếng nước, gốc đa” là những hình ảnh gắn bó máu thịt họ không dễ gì từ bỏ nhưng hai chữ “mặc kệ” cho thấy họ ra đi với thái độ dứt khoát họ đã gác lại tình riêng để lên đường làm nhiệm vụ vì mục đích đã chọn lựa

 -> Các anh là những người lính gác tình riêng, ra đi vì nghĩa lớn, để lại sau lưng mảnh trời quê hương với bao nỗi băn khoăn, trăn trở.

* Cách nói tế nhị, giàu sức gợi cảm “Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính ”

-> Quê hương nhớ người đi lính hay chính những người lính luôn nhớ về quê hương. Thủ pháp nhân hóa và hình ảnh hoán dụ “giếng nước, gốc đa” đã biểu đạt sâu sắc tâm trạng, nỗi niềm của những người lính nơi chiến tuyến -> Tình đồng chí của người lính cách mạng được biểu hiện qua sự thấu hiểu những tâm tư, nỗi lòng sâu kín của nhau.

* Những chi tiết tả thực, hình ảnh sóng đôi “áo anh - quần tôi”, “rách vai - vài mảnh vá” đã góp phần tái hiện chân thực những khó khăn, gian khổ của cuộc đời người lính trong buổi đầu kháng chiến.
* “ Miệng cười buốt giá”: tinh thần lạc quan -> Các anh đã cùng nhau chịu đựng.. .Chính tình đồng đội đã giúp họ vượt qua mọi khó khăn gian khổ.
* Hình ảnh “Thương nhau tay nắm lấy bàn tay” có sức gợi nhiều hơn tả với nhịp thơ chảy dài. “Tay nắm lấy bàn tay” để truyền cho nhau hơi ấm của tình đồng đội, truyền cho nhau sức mạnh của tình đồng chí. Cái nắm tay ấy còn là lời hứa hẹn lập công.

=> Tình đồng chí được biểu hiện qua những việc làm cụ thể và là sức mạnh giúp người lính vượt qua khó khăn, gian khổ.

c**. Ba *câu cuối: Biểu tượng cao đẹp của người chiến sĩ***

“Đêm nay rừng hoang sương muối

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới

Đầu súng trăng treo.”

* Hình ảnh thực thời gian là ban đêm không gian là “ rừng hoang sương muối” thể hiện hiện thực khắc nghiệt mà những người lính phải chịu đựng,

 “ đứng cạnh bên nhau” -> Tình đồng chí sưởi ấm người chiến sĩ giúp họ vượt qua tất cả.

* Hình ảnh “đầu súng trăng treo” mang ý nghĩa biểu tượng: súng và trăng là gần và xa, là thực tại và mơ mộng, là chất chiến đấu và trữ tình, là chiến sĩ và thi sĩ...

=> Các hình ảnh” người lính – khẩu súng – vầng trăng “ hòa quyện vào nhau tạo nên biểu tượng thiêng liêng, cao đẹp của người lính.

3/ Đánh giá chung:

* Thể thơ tự do, hình ảnh thơ cụ thể nhưng giàu ý nghĩa biểu tượng.
* Lời thơ giản dị, mộc mạc, cô đọng, giàu sức biểu cảm.
* Bút pháp hiện thực và lãng mạn.

-> vẻ đẹp của người lính thể hiện ở sự bình dị, chân thật mà cũng phi thường và rất thơ qua cách thể hiện của tác giả.

***III.* Kết bài**

* Bài thơ “Đồng chí” vừa mang vẻ đẹp giản dị lại vừa mang vẻ đẹp cao cả thiêng liêng, thơ mộng! Cấu trúc sòng hành và đối xứng xuyên suốt bài thơ làm hiện lên hai gương mặt người chiến sĩ rất trẻ như đang thủ thỉ, tâm tình, làm nổi bật chủ đề của bài thơ.
* Bài thơ xứng đáng là một trong những tác phẩm thi ca xuất sắc về đề tài người lính và chiến tranh cách mạng của văn học Việt Nam.
* Nêu suy nghĩ, tình cảm của bản thân: về người lính, về tình đồng chí của các anh, về trách nhiệm của thế hệ trẻ ngày nay...

**ĐỀ:** Cảm nhận của em về bài thơ ***“Ánh trăng”*** của nhà thơ Nguyễn Duy *(Ngữ văn 9, tập 1*).

 **1. Mở bài:**

 - Nguyễn Duy là một nhà thơ – một chiến sĩ trẻ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mĩ. Ông là nhà thơ tiêu biểu cho thế hệ trẻ sau năm 1975.

 - Bài thơ “Ánh trăng” được sáng tác năm 1978 tại TPHCM.

 - “Ánh trăng” khắc họa một khía cạnh trong vẻ đẹp của người lính: sâu nặng nghĩa tình, thủy chung trước sau.

 -Trích thơ: “Hồi nhỏ sốn với đồng

 .................................

 đủ cho ta giật mình”.

 **2. Thân bài:**

 **\*Mạch cảm xúc:** Bài thơ mang dáng dấp một câu chuyện tâm tình xúc động, giàu ý nghĩa được kể theo trình tự thời gian về sự gắn bó giữa con người với ánh trăng nhằm khơi gợi một triết lí sâu xa trong cuộc sống con người.

 **\*Ánh trăng trong quá khứ (khổ thơ 1-2).**

- Điệp ngữ “hồi”, tác giả nhắc lại kỉ niệm của hai khoảng thời gian: lúc còn nhỏ và lúc chiến tranh.

 - Điệp ngữ “với” khẳng định sự gắn bó quen thuộc.

 - Nghệ thuật nhân hóa “vầng trăng thành tri kỉ” thể hiện trăng là người bạn thân thiết cùng chia sẻ buồn vui với người lính.

 - So sánh “hồn nhiên như cây cỏ”nhằm miêu tả cuộc sống hồn nhiên, chân thực.

 🡪Trăng là vẻ đẹp của thiên nhiên vĩnh hằng, là người bạn tri kỉ, là biểu tượng cho quá khứ nghĩa tình.

 **\*Ánh trăng ở hiện tại (khổ thơ 3-4)**

 - Cuộc sống thay đổi, đầy đủ tiện nghi, đèn điện sáng trưng, cửa gương lấp lánh.

 - Nhân hóa “trăng đi qua ngõ”, so sánh “người dưng qua đường.

 🡪 Thái độ sống của tác giả: vô tình lãng quên trăng, lãng quên quá khứ.

 - Từ láy “thình lình, đột ngột” : tình huống bất ngờ, sự xuất hiện tình cờ mà tự nhiên.

 - Nghệ thuật đối : phòng tối om- vầng trăng tròn . Tác giả như thấy lại những chuyện cũ, trăng vẫn chung thủy với con người.

 🡪Trăng vẫn tròn đầy như quá khứ nguyên vẹn, trăng luôn thủy chung dù con người có đổi thay.

 **\*Cảm xúc và suy ngẫm của nhà thơ trước vầng trăng (khổ thơ 5-6)**

 - Giọng thơ tha thiết, giàu cảm xúc.

 - “Mặt” đối “mặt”, người và trăng hội ngộ, tác giả hội ngộ cùng quá khứ với cảm xúc “rưng rưng”

 - So sánh, điệp ngữ “như là”, cấu trúc song hành, biện pháp liệt kê nhằm khắc ghi kỉ niệm thời quá khứ với những hình ảnh đẹp.

 - Hình ảnh biểu tượng “trăng cứ tròn vành vạnh” tượng trưng cho quá khứ nguyên vẹn thủy chung, bao dung độ lượng.

 - Nhân hóa “ánh trăng im phăng phắc” khiến hình ảnh trăng hiện lên như một con người cụ thể - một người bạn tri kỉ, một nhân chứng nghiêm khắc.

 - “Giật mình” thể hiện sự suy ngẫm, hối hận của chủ thể trữ tình.

 🡪Sự bừng tỉnh của nhân cách, sự trở về lương tâm trong sáng của con người khi đối diện cùng trăng.

 **\*Nghệ thuật:**

 - Thể thơ năm chữ, kết hợp tự sự với trữ tình.

 - Giọng thơ mang tính tự bạch, chân thành sâu sắc.

 - Hình ảnh vầng trăng mang nhiều tầng ý nghĩa.

 **3. Kết bài:**

 - “Ánh trăng” là một bài thơ hay với lời thơ tha thiết giàu cảm xúc, khơi gợi những suy nghĩ về lẽ sống thủy chung, về đạo lí “Uống nước nhớ nguồn” của dân tộc.

 - Liên hệ bản thân.

**Đề: Phân tích khổ 3,4,5 bài “ Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận.**

 **I.Mở bài:**

 - Huy Cận là nhà thơ nổi tiếng trong phong tráo Thơ mới, thơ ông tràn đầy niềm vui, niềm tin yêu cuộc sống.

 - Bài thơ “ Đoàn thuyền đánh cá” sáng tác năm 1958 nhân chuyến đi thực tế của tác giả ở vùng mỏ Quảng Ninh.

 - Đoạn thơ miêu tả cảnh đoàn thuyền đánh cá trên biển đêm; khắc họa nhiều hình ảnh tráng lệ, thể hiện sự hài hòa giữa thiên nhiên và con người lao động; bộc lộ niềm vui, niềm tự hào của nhà thơ trước đất nước và cuộc sống.

 - Trích thơ: “Thuyền ta lái gió với buồm trăng

 ....................................................

 Nuôi lớn đời ta tự buổi nào”.

 **II. Thân bài:**

1. **Giới thiệu khái quát mạch cảm xúc:** Bài thơ được viết theo trình tự thời gian, theo nhịp tuần hoàn của vũ trụ( từ lúc hoàng hôn đến lúc bình minh) cũng là thời gian hoạt động của đoàn thuyền đánh cá ( từ lúc ra khơi đến khi trở về) trong không gian lớn lao, kì vĩ của tự nhiên và cũng là không gian lao động của con người.
2. **Phân tích lần lượt các khổ thơ:**
* **Đoàn thuyền ra khơi với tư thế, tầm vóc lớn lao: (khổ 3)**

 + Nghệ thuật ẩn dụ “ Lái gió với buồm trăng”: Thiên nhiên hòa hợp với con người lao động.

 + Nghệ thuật phóng đại “ Lướt giữa mây cao với biển bằng”: Con thuyền đánh cá vốn nhỏ bé giờ đây đã sánh ngang tầm vũ trụ.

 + Nghệ thuật nhân hóa: “ Dò bụng biển”: Công việc tìm cá đầy vất vả của đoàn thuyền.

 + Nghệ thuật ẩn dụ “ Dàn đan thế trận”: Công việc đánh cá của người dân chài như một trận chiến đấu ác liệt.

=>Sự kết hợp giữa hiện thực và lãng mạn tạo nên những vần thơ đẹp và sâu sắc, làm nổi bật hình ảnh của đoàn thuyền, của con người lao động trong đêm.

 **- Biển đêm hiện lên sinh động, giàu và đẹp: (khổ 4)**

 + Biện pháp liệt kê “ Cá nhụ, cá chim, cá đé, cá song”:Hình ảnh liên tưởng, tưởng tượng đầy sáng tạo “ đuốc, cái đuôi quẫy trăng” biển đẹp lộng lẫy, rực rỡ màu sắc, phong phú các loài cá.

 + Hình ảnh nhân hóa đẹp “ Đêm thở: sao lùa nước Hạ Long”: Tiếng thở của đêm chính là nhịp thở của thủy triều và tiêng rì rào của sóng.

=>Thiên nhiên trên biển như một bức tranh sơn mài tuyệt đẹp.

 **- Tinh thần lao động hăng say và lòng biết ơn biển: ( khổ 5)**

 + Bút pháp hiện thực kết hợp bút pháp lãng ạn: “ Ta hát bài ca gọi cá vào” tạo nên không khí hào hứng, phấn khởi.

 + Hình ảnh nhân hóa đầy chất thơ “ Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao”: Thiên nhiên và con người hòa nhịp trong lao động.

 + Biện pháp so sánh giàu ý nghĩa “ Biển cho ta cá như lòng mẹ / Nuôi lớn đời ta tự buổi nào”: Con người chinh phục thiên nhiên nhưng cũng đầy lòng biết ơn với thiên nhiên.

->Những hình ảnh lãng mạn, giàu chất thơ đã làm cho công việc đánh bắt cá vốn nặng nhọc, vất vả trở nên rộn rã và thi vị hơn.

=>Âm hưởng khỏe khoắn, nhịp thơ hối hả, ngôn ngữ giàu chất tạo hình đã tạo nên khúc tráng ca lao động hào hùng giữa biển trời bao la.

 **\* Đặc sắc nghệ thuật:**

 - Bút pháp lãng mạn với nhiều biện pháp tu từ.

 - Ngôn ngữ thơ giàu hình ảnh, nhạc điệu, gợi nhiều liên tưởng.

 **III. Kết bài:**

* Ba khổ thơ là bức tranh đẹp, rộng lớn về thiên nhiên và con người lao động. Thiên nhiên là người bạn thân thiết của con người, đồng hành cùng con người trong cuộc sống.
* Hình ảnh con người lao động được sáng tạo với cảm hứng lãng mạn đã thể hiện được niềm tin, niềm vui trước cuộc sống mới. Công việc nặng nhọc của người đánh cá giờ đây đã trở thành bài ca đầy niềm vui, niềm phấn khởi, nhịp nhàng của thiên nhiên.
* Nêu suy nghĩ, tình cảm của bản thân.